

Bản án số: 440/2020/DS-PT

Ngày: 21 - 9 - 2020

V/v: “Tranh chấp về thừa kế tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Huyền Vân

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Tửu

Ông Phan Đức Phương

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Mai Thị Thu Trang - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Ông Hà Văn Hùng - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 247/2020/TLPT-DS ngày 30 tháng 3 năm 2020 về việc: “Tranh chấp về thừa kế tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 24/2020/DS-ST ngày 06 tháng 01 năm 2020 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 2362/2020/QĐPT-DS ngày 19 tháng 8 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn:

1.1. Bà Bùi Thị Hồng Y, sinh năm 1961 (có mặt)

Địa chỉ: 334/19 L, Phường 11, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

1.2. Bà Bùi Thị Hồng N, sinh năm 1973 (có mặt)

Địa chỉ: 142/2 B, Phường 24, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Luật sư Nguyễn Đăng N, Văn phòng Luật sư Nguyễn Đăng N, Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

2. Bị đơn: Ông Bùi Hữu P, sinh năm 1960 (vắng mặt)

Địa chỉ: 10 H, Phường 14, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1973 (có mặt)

Địa chỉ: 294C B, Phường 14, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Bà Bùi Thị Hồng Ph, sinh năm 1965 (vắng mặt)

Địa chỉ: Landsk Rona Veien 19-2013 Skjetten Norway Naury.

Người đại diện hợp pháp của bà Ph: Bà Bùi Thị Hồng Y, sinh năm 1961 (có mặt)

Địa chỉ: 334/19 L, Phường 11, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người kháng cáo: Bị đơn ông Bùi Hữu P

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn bà Bùi Thị Hồng Y, bà Bùi Thị Hồng N trình bày:

Nguồn gốc nhà, đất tại số 10 H, Phường 14, quận B là thuộc sở hữu của ông Bùi Văn H và bà Dương Thị Q theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở hồ sơ gốc số 2198/2002 do Ủy ban nhân dân quận B cấp ngày 19/12/2002.

Ông H và bà Q chung sống với nhau có 04 người con gồm: Ông Bùi Hữu P, bà Bùi Thị Hồng Y, bà Bùi Thị Hồng Ph, bà Bùi Thị Hồng N. Ông H, chết năm 2003; cha của Ông H là ông Bùi Văn G (chết trước Ông H, không có giấy chứng tử), mẹ của Ông H là bà Nguyễn Thị C, chết năm 2004.

Ông G và bà C chỉ có một người con duy nhất là Bùi Văn H. Bà Dương Thị Q, chết năm 2013, cha mẹ của bà Q đều đã chết trước bà Q.

Năm 2008, các đồng thừa kế của ông Bùi Văn H đã làm thủ tục kê khai di sản thừa kế, trong văn bản khai nhận di sản thừa kế đã bỏ tên bà Bùi Thị Hồng Ph ra khỏi danh sách các đồng thừa kế do bà Ph đã có đơn xin cam kết về việc ủy quyền không thừa hưởng phần tài sản của cha để lại tại nhà số 10 H, Phường 14, quận B và xin nhường toàn quyền xây dựng, định đoạt tài sản ấy cho mẹ là bà Dương Thị Q.

Ngày 16/6/2008 các đồng thừa kế của Ông H gồm: bà Q, ông P, bà Y, bà N đã bán một phần căn nhà theo Hợp đồng số 4000 được Phòng Công chứng số 6 chứng nhận ngày 04/02/2008. Đối với phần đã bán chúng tôi thống nhất, không có tranh chấp.

Nay nguyên đơn yêu cầu Tòa án chia thừa kế đối với phần nhà đất còn lại có ký hiệu (A) theo bản vẽ mua bán đã được Phòng Quản lý đô thị quận B kiểm tra nội nghiệp ngày 24/01/2007. Nguyên đơn yêu cầu Tòa án phát mãi căn nhà nêu trên để chia đều cho 04 đồng thừa kế và yêu cầu nhận giá trị. Ngoài ra không có yêu cầu gì khác.

Đại diện theo uỷ quyền của bị đơn, ông H trình bày:

Ông thống nhất với trình bày của phía nguyên đơn về nguồn gốc nhà đất tại số 10 H, Phường 14, quận B và nhân thân của ông Bùi Văn H và bà Dương Thị Q. Đối với phần nhà đã bán bị đơn thống nhất với nguyên đơn không có tranh chấp và yêu cầu Tòa án chia thừa kế đối với phần nhà đất còn lại có ký hiệu (A) theo bản vẽ mua bán đã được Phòng Quản lý đô thị quận B kiểm tra nội nghiệp ngày 24/01/2007.

Bị đơn đồng ý với yêu cầu chia thừa kế của nguyên đơn đối với nhà đất nêu trên. Tuy nhiên, yêu cầu Tòa án công nhận công sức gìn giữ nhà của ông P tương đương với một suất thừa kế và yêu cầu Tòa án chia thừa kế phần căn nhà còn lại tại số 10 H, Phường 14, quận B làm 05 phần, trong đó ông P được nhận 02 phần, đồng thời bị đơn yêu cầu Tòa án phát mãi căn nhà nêu trên và xin nhận giá trị. Ngoài ra không có yêu cầu gì khác.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:

Đối với Văn bản khai nhận di sản thừa kế không có tên bà Bùi Thị Hồng Ph thì bà Ph không có ý kiến gì, vì đã có đơn xin cam kết về việc ủy quyền, không thừa hưởng phần tài sản của cha để lại tại nhà số 10 H, Phường 14, quận B và xin nhường toàn quyền sử dụng, định đoạt tài sản ấy cho mẹ là bà Dương Thị Q. Đối với phần nhà đất bà Q, ông P, bà Y, bà N đã chuyển nhượng thì bà Ph không có ý kiến gì.

Bà Ph thống nhất với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, đề nghị Tòa án chia thừa kế theo quy định của pháp luật. Bà Ph đề nghị Tòa án phát mãi và xin nhận giá trị.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 24/2020/DS-ST ngày 06/01/2020 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh quyết định:

Căn cứ khoản 5 Điều 26; khoản 3 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 37; điểm a khoản 1 Điều 38; điểm c khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 147; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 637; điểm a khoản 1 Điều 679 Bộ luật dân sự năm 1995; Điều 676 Bộ luật dân sự năm 2005; khoản 2 Điều 660 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Án lệ số 06/2016/AL về vụ án “Tranh chấp thừa kế”;

Căn cứ khoản 7 Điều 27 Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội có hiệu lực thi hành từ ngày 01/7/2009.

1. Xác định di sản nhà, đất phần còn lại tại số 10 H, Phường 14, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh có ký hiệu (A) theo Bản vẽ hiện trạng được Ủy ban nhân dân quận B duyệt ngày 29/01/2008 có diện tích đất ở là 112,72m², diện tích sử dụng 97,56m² (theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở hồ sơ gốc số 2198/2002 do Ủy ban nhân dân quận B cấp ngày 19/12/2002) là di sản của ông Bùi Văn H và bà Dương Thị Q.

2. Xác định hàng thừa kế thứ nhất theo pháp luật của ông Bùi Văn H gồm: bà Nguyễn Thị C, bà Dương Thị Q, bà Bùi Thị Hồng Y, bà Bùi Thị Hồng N, ông Bùi Hữu P, bà Bùi Thị Hồng Ph.

3. Xác định hàng thừa kế thứ nhất theo pháp luật của bà Dương Thị Q gồm: bà Bùi Thị Hồng Y, bà Bùi Thị Hồng N, ông Bùi Hữu P, bà Bùi Thị Hồng Ph.

4. Không chấp nhận yêu cầu của ông Bùi Văn P yêu cầu tính công sức gìn giữ nhà, đất tại số 10 H, Phường 14, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh tương đương một suất thừa kế.

5. Bà Bùi Thị Hồng Y, bà Bùi Thị Hồng N, ông Bùi Hữu P, bà Bùi Thị Hồng Ph mỗi người được nhận 21,53% giá trị di sản của bà Dương Thị Q chết để lại là nhà, đất phần còn lại tại số 10 H, Phường 14, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh có ký hiệu (A) theo Bản vẽ hiện trạng được Ủy ban nhân dân quận B duyệt ngày 29/01/2008 có diện tích đất 112,72m², diện tích sử dụng 97,56m² (theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở hồ sơ gốc số 2198/2002 do Ủy ban nhân dân quận B cấp ngày 19/12/2002).

6. Tạm giao 13,88% giá trị di sản của bà Nguyễn Thị C được hưởng từ di sản của ông Bùi Văn H cho bà Bùi Thị Hồng Y, bà Bùi Thị Hồng N, ông Bùi Hữu P mỗi người được giữ 1/3 giá trị phần di sản của bà C là 4,62% giá trị nhà, đất phần còn lại tại số 10 H, Phường 14, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh có ký hiệu (A) theo Bản vẽ hiện trạng được Ủy ban nhân dân quận B duyệt ngày 29/01/2008 có diện tích đất 112,72m², diện tích sử dụng 97,56m² (theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở hồ sơ gốc số 2198/2002 do Ủy ban nhân dân quận B cấp ngày 19/12/2002).

7. Buộc ông Bùi Hữu P và những người đang ở trong căn nhà số 10 H, Phường 14, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh phải dọn ra khỏi nhà khi cơ quan Thi hành án có thẩm quyền phát mãi nhà, đất.

8. Giao cho Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền phát mãi phần còn lại tại số 10 H, Phường 14, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh có ký hiệu (A) theo Bản vẽ hiện trạng được Ủy ban nhân dân quận B duyệt ngày 29/01/2008 có diện tích đất 112,72m², diện tích sử dụng 97,56m² (theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở hồ sơ gốc số 2198/2002 do Ủy ban nhân dân quận B cấp ngày 19/12/2002), sau khi trừ phí, chi phí, lệ phí phát mãi, số còn lại sẽ chia theo tỷ lệ như sau:

8.1. Bà Bùi Thị Hồng Y, bà Bùi Thị Hồng N, ông Bùi Hữu P, bà Bùi Thị Hồng Ph mỗi người được nhận 21,53% giá trị.

8.2. Tạm giao 13,88% giá trị di sản của bà Nguyễn Thị C cho bà Bùi Thị Hồng Y, bà Bùi Thị Hồng N, ông Bùi Hữu P mỗi người được tạm giữ 4,626% giá trị để sau này giao lại cho những người thừa kế của Bà C vắng mặt khi có yêu cầu.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về chi phí tố tụng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử ngày 08/01/2020 bị đơn ông Bùi Hữu P kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Đại diện bị đơn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo đề nghị cho hưởng 2 phần thừa kế do bị đơn là con trai duy nhất trong nhà và có công sửa chữa, gìn giữ căn nhà này.

Nguyên đơn cho rằng mẹ đã cho ông P 51 lượng vàng mua nhà khác để ở nhưng ông đã bán đi và quay lại nhà này ở và cho thuê hưởng lợi riêng nên không đồng ý kháng cáo của bị đơn.

Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh có ý kiến: Về hình thức đơn kháng cáo của các đương sự lập trong thời hạn luật định nên được chấp nhận. Về nội dung: Xét kháng cáo của bị đơn không đưa ra căn cứ nào để chứng minh cho yêu cầu của mình. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo ông Bùi Hữu P, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Đơn kháng cáo của bị đơn ông Bùi Hữu P nộp trong thời hạn quy định của pháp luật nên hợp lệ.

Về quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết tòa sơ thẩm xác định là theo quy định Điều 26, 37, 39 Bộ luật tố tụng dân sự là đúng quy định của pháp luật.

[2] Xét kháng cáo của ông Bùi Hữu P:

[2.1] Nguồn gốc căn nhà số 10 H, Phường 14, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh, có diện tích đất ở là 332,6m² là của ông Bùi Văn H và bà Dương Thị Q.

Thời điểm Ông H, bà Q còn sống, tài sản nhà, đất tại số 10 H, Phường 14, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh còn lại sau đã khi chuyển nhượng một phần diện tích là 187,84m².

Ông H chết năm 2003 không để lại di chúc nên di sản của Ông H để lại là ½ nhà, đất có diện tích 93,92m². Hàng thừa kế thứ nhất theo pháp luật của Ông H là bà Nguyễn Thị C (mẹ của Ông H), bà Dương Thị Q (vợ của Ông H) và bà Bùi Thị Hồng Y, bà Bùi Thị Hồng N, ông Bùi Hữu P, bà Bùi Thị Hồng Ph (các con của Ông H) mỗi người được hưởng một suất thừa kế là 1/6 giá trị di sản của Ông H là 15,65m² giá trị nhà đất.

Bà Bùi Thị Hồng Ph có đơn cam kết không thừa hưởng phần tài sản của cha và xin nhường toàn quyền sử dụng, định đoạt số tài sản ấy cho mẹ là Dương Thị Q. Như vậy, tổng tài sản của bà Q là 125,22m². Cộng phần của ông P, bà N, bà Y mỗi người được hưởng một suất thừa kế từ di sản của Ông H là 15,65m² là 46,95m². Tổng cộng tài sản của bà Q, ông P, bà Y, bà N là 172,17m².

[2.2] Ngày 16/8/2008, ông P, bà Y, bà N, bà Q đã chuyển nhượng một phần nhà đất diện tích 75,12m² tại số 10 H, diện tích nhà, đất còn lại là 112,72m². Như vậy phần thừa kế của ông P, bà N, bà Y đối với di sản của Ông H đã không còn, phần nhà, đất phần còn lại tại ký hiệu A theo bản vẽ mua bán (phần còn lại) địa điểm số 10 H, Phường 14, quận B do Công ty thiết kế và xây

dựng Thanh Mỹ Tây lập ngày 12/01/2008 được Ủy ban nhân dân quận B duyệt ngày 29/01/2008, có diện tích khu đất là 112,72m², diện tích xây dựng 87,96m², diện tích sử dụng 97,56m² là tài sản của bà Q và của Bà C (trong đó của Bà C là 15,65m² và của bà Q là 97,07m²).

Bà C chết năm 2004 di sản của Bà C là phần nhà, đất có diện tích 15,65m² của phần nhà, đất tương đương 13,88% giá trị nhà, đất. Bà C có chồng ông Bùi Văn Giá. Cha mẹ của Bà C là ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1880, chết năm 1936 và mẹ là bà Lê Thị M, sinh năm 1880, chết năm 1952 (chết trước Bà C). Bà C chết năm 2004, do đó, hàng thừa kế thứ nhất của Bà C đã chết và hiện nay không biết ở đâu. Ông Đ và bà M có các người con gồm: Ông Nguyễn Văn Trọng, sinh năm 1903 (chết), bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1911 (chết), bà Nguyễn Thị X (chết), bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1915 (chết), bà Nguyễn Thị Đ (chết), bà Nguyễn Thị Kh (chết), ông Nguyễn Văn Ng, sinh năm 1914. Như vậy, những người thừa kế theo pháp luật của Bà C hiện không ai biết ở đâu. Do đó, tạm giao phần di sản của Bà C được hưởng từ di sản của Ông H cho 03 người cháu nội của Bà C hiện đang ở trong nước là ông P, bà Y, bà N quản lý đề sau này giao lại cho những người thừa kế vắng mặt khi có yêu cầu theo Án lệ số 06/2016/AL về vụ án “Tranh chấp thừa kế”.

Bà Dương Thị Q chết năm 2013 không để lại di chúc, cha mẹ bà Q là ông Nguyễn Long Ng, bà Nguyễn Thị T và chồng của bà Q là ông Bùi Văn H chết trước bà Q. Do đó, các con của bà Q là Bùi Thị Hồng Y, bà Bùi Thị Hồng N, ông Bùi Hữu P, bà Bùi Thị Hồng Ph là hàng thừa kế thứ nhất theo pháp luật được hưởng di sản của bà diện tích 97,07 m², mỗi người được hưởng là 24,26m² tương đương 21,53% giá trị nhà, đất. Tòa án sơ thẩm chia thừa kế như trên là có cơ sở, đúng pháp luật.

[2.3] Ông P kháng cáo yêu cầu công nhận công sức do ông gìn giữ nhà số 10 H tương đương một suất thừa kế. Tuy nhiên, ông P cũng không xuất trình chứng cứ chứng minh ông có công sức gìn giữ nhà nêu trên và các đồng thừa kế cũng không thừa nhận ông P có công sức gìn giữ nhà. Đồng thời theo tờ cam kết không ghi ngày tháng năm 2003 và tờ cam kết ngày 03/9/2003 thể hiện ông P có nhận tiền và cam kết không đòi hỏi tiền bạc và tài sản của bà Q và Ông H nữa. Do đó, ông P yêu cầu công nhận công sức do ông gìn giữ nhà số 10 H, Phường 14, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh tương đương với một suất thừa kế là không có căn cứ nên không chấp nhận.

Như vậy, ông Bùi Hữu P kháng cáo nhưng không có căn cứ chứng minh nên Hội đồng xét xử thống nhất ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao không chấp nhận kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[4] Về án phí phúc thẩm: Ông Bùi Hữu P phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

I. Căn cứ khoản 1 Điều 308, khoản 1 Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/6/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Bùi Hữu P

Giữ nguyên quyết định Bản án sơ thẩm.

Căn cứ khoản 5 Điều 26; khoản 3 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 37; điểm a khoản 1 Điều 38; điểm c khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 147; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 637; điểm a khoản 1 Điều 679 Bộ luật dân sự năm 1995; Điều 676 Bộ luật dân sự năm 2005; khoản 2 Điều 660 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Án lệ số 06/2016/AL về vụ án “Tranh chấp thừa kế”;

Căn cứ khoản 7 Điều 27 Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội có hiệu lực thi hành từ ngày 01/7/2009;

Tuyên xử:

1. Xác định di sản nhà, đất phần còn lại tại số 10 H, Phường 14, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh có ký hiệu (A) theo Bản vẽ hiện trạng được Ủy ban nhân dân quận B duyệt ngày 29/01/2008 có diện tích đất ở là 112,72m², diện tích sử dụng 97,56m² (theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở hồ sơ gốc số 2198/2002 do Ủy ban nhân dân quận B cấp ngày 19/12/2002) là di sản của ông Bùi Văn H và bà Dương Thị Q.

2. Xác định hàng thừa kế thứ nhất theo pháp luật của ông Bùi Văn H gồm: bà Nguyễn Thị C, bà Dương Thị Q, bà Bùi Thị Hồng Y, bà Bùi Thị Hồng N, ông Bùi Hữu P, bà Bùi Thị Hồng Ph.

3. Xác định hàng thừa kế thứ nhất theo pháp luật của bà Dương Thị Q gồm: bà Bùi Thị Hồng Y, bà Bùi Thị Hồng N, ông Bùi Hữu P, bà Bùi Thị Hồng Ph.

4. Không chấp nhận yêu cầu của ông Bùi Văn Phúc yêu cầu tính công sức gìn giữ nhà, đất tại số 10 H, Phường 14, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh tương đương một suất thừa kế.

5. Bà Bùi Thị Hồng Y, bà Bùi Thị Hồng N, ông Bùi Hữu P, bà Bùi Thị Hồng Ph mỗi người được nhận 21,53% giá trị di sản của bà Dương Thị Q chết để lại là nhà, đất phần còn lại tại số 10 H, Phường 14, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh có ký hiệu (A) theo Bản vẽ hiện trạng được Ủy ban nhân dân quận B duyệt ngày 29/01/2008 có diện tích đất 112,72m², diện tích sử dụng 97,56m² (theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở hồ sơ gốc số 2198/2002 do Ủy ban nhân dân quận B cấp ngày 19/12/2002).

6. Tạm giao 13,88% giá trị di sản của bà Nguyễn Thị C được hưởng từ di sản của ông Bùi Văn H cho bà Bùi Thị Hồng Y, bà Bùi Thị Hồng N, ông Bùi Hữu P mỗi người được giữ 1/3 giá trị phần di sản của Bà C là 4,62% giá trị nhà, đất phần còn lại tại số 10 H, Phường 14, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh có ký hiệu (A) theo Bản vẽ hiện trạng được Ủy ban nhân dân quận B duyệt ngày 29/01/2008 có diện tích đất 112,72m², diện tích sử dụng 97,56m² (theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở hồ sơ gốc số 2198/2002 do Ủy ban nhân dân quận B cấp ngày 19/12/2002).

7. Buộc ông Bùi Hữu P và những người đang ở trong căn nhà số 10 H, Phường 14, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh phải dọn ra khỏi nhà khi cơ quan Thi hành án có thẩm quyền phát mãi nhà, đất.

8. Giao cho Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền phát mãi phần còn lại tại số 10 H, Phường 14, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh có ký hiệu (A) theo Bản vẽ hiện trạng được Ủy ban nhân dân quận B duyệt ngày 29/01/2008 có diện tích đất 112,72m², diện tích sử dụng 97,56m² (theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở hồ sơ gốc số 2198/2002 do Ủy ban nhân dân quận B cấp ngày 19/12/2002), sau khi trừ phí, chi phí, lệ phí phát mãi, số còn lại sẽ chia theo tỷ lệ như sau:

8.1. Bà Bùi Thị Hồng Y, bà Bùi Thị Hồng N, ông Bùi Hữu P, bà Bùi Thị Hồng Ph mỗi người được nhận 21,53% giá trị.

8.2. Tạm giao 13,88% giá trị di sản của bà Nguyễn Thị C cho bà Bùi Thị Hồng Y, bà Bùi Thị Hồng N, ông Bùi Hữu P mỗi người được tạm giữ 4,626% giá trị để sau này giao lại cho những người thừa kế của Bà C vắng mặt khi có yêu cầu.

II. Án phí phúc thẩm: Ông Bùi Hữu P phải chịu 300.000 đồng án phí nhưng được khấu trừ theo biên lai thu số 0045720 ngày 25/02/2020 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh, ông P đã nộp đủ.

III. Các phần khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Về hiệu lực của bản án: Bản án phúc thẩm này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao; (1)
- VKSNDCC tại TP. Hồ Chí Minh; (1)
- TAND TP. Hồ Chí Minh; (1)
- VKSND TP. Hồ Chí Minh; (1)
- Cục THADS TP. Hồ Chí Minh; (1)
- Đường sự (7)
- Lưu: VP, hồ sơ vụ án (6) 19b (MTTT)

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Trần Thị Huyền Vân